

Bản án số: 195/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Ông Dương Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Y, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Lê Thị Y:*

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Y và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 31/12/2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, bà Y và ông T đã ly thân từ ngày 20/7/2022 cho đến nay nên bà Y yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Bà Y và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu xem xét.

**Trình bày của ông Huỳnh Văn T:*

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Y về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Tại phiên tòa, ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Y tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 31/12/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên có khi bất đồng quan điểm, vợ chồng có cãi vã nhưng không đáng kể, vợ chồng vẫn chung sống đầm ấm, đến ngày 20/7/2022 bà Y về nhà mẹ vợ sống và không trở về nhà cho đến nay, ông T có gặp bà Y để hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả do bà Y cương quyết ly hôn. Ông T không xác định rõ nguyên nhân dẫn đến bà Y yêu cầu ly hôn với ông. Nay ông T không thống nhất ly hôn với bà Y, do còn tình cảm với vợ nên ông T yêu cầu đoàn tụ với bà Y.

Về con chung: Ông T và bà Y không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà Y không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Huỳnh Văn T có nơi cư trú tại ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Hôn nhân: Bà Lê Thị Y và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 31/12/2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, nên bà Y yêu cầu được ly hôn với chồng là ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Y với ông T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà Y xác định ba và ông T không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, bà Y cương quyết ly hôn, ông T yêu cầu đoàn tụ do còn

thượng vợ, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà Y và ông T không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Y và ông T được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Y và ông Huỳnh Văn T xác định không có con chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó không xét là phù hợp.

[5] Tài sản chung: Bà Lê Thị Y và ông Huỳnh Văn T xác định không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó không xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà Y và ông T xác định vợ chồng không có nợ chung, tại đơn xin xác nhận đề ngày 20/9/2022 xác định không có ai thừa kiện về nợ đối với ông bà. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Y phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y về việc ly hôn đối với ông Huỳnh Văn T.

2.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Y và ông Huỳnh Văn T được ly hôn.

2.2. Về con chung: Không có.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 03 tháng 10 năm 2022, bà Y có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0015233 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã BBĐ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh